

xử lý hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề liên quan đến xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón.

Sau mỗi kỳ họp của Ban Chỉ đạo phải có nghị quyết được các thành viên của Ban Chỉ đạo thông qua.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm thực hiện sự phân công và các vấn đề đã thống nhất trong nghị quyết các cuộc họp.

V. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT VÀ BÁO CÁO

1. Ban Chỉ đạo họp định kỳ một quý một lần vào tháng đầu quý (khi cần thiết sẽ họp bất thường) để đánh giá tình hình thực hiện của các doanh nghiệp, đưa ra hướng hoạt động, đồng thời xử lý các vấn đề phát sinh. Trường hợp có những vấn đề ngoài khả năng xử lý của Ban và vượt thẩm quyền các Bộ, ngành liên quan, thì Trưởng Ban báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ.

2. Hàng tháng, Trưởng ban Ban Chỉ đạo báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình xuất khẩu gạo, nhập khẩu phân bón và những vướng mắc nảy sinh liên quan đến cơ chế điều hành ngoài phạm vi Quyết định số 12/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 104/QĐ-TTg ngày 18-2-1998 về việc phê duyệt Dự án khả thi trồng rừng nguyên liệu và xây dựng nhà máy ván sợi ép cường độ trung bình (MDF) tại tỉnh Gia Lai.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 và Nghị định số 92-CP ngày 23-8-1997 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3671-NN/XDCB/CV ngày 11-10-1997 và đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8196-BKH/VPTĐ ngày 19-12-1997,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Dự án khả thi trồng rừng nguyên liệu và xây dựng nhà máy ván sợi ép cường độ trung bình (MDF) tại tỉnh Gia Lai gồm các nội dung sau:

1. Tên Dự án: Trồng rừng nguyên liệu và xây dựng nhà máy ván sợi ép cường độ trung bình (MDF) tại tỉnh Gia Lai.

2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Địa điểm thực hiện Dự án:

- Vùng rừng nguyên liệu: Tại các huyện Manyang, Konchoro, An Khê và Kbang.

- Nhà máy sản xuất ván nhân tạo MDF: Xây dựng tại thị trấn An Khê.

4. Quy mô Dự án:

- Vùng rừng nguyên liệu: Diện tích đất quy hoạch là 28.157 ha và diện tích thực trồng rừng mới là 17.000 ha.

- Nhà máy sản xuất ván nhân tạo (MDF): Công suất 54.000m³ sản phẩm/năm.

5. Tổng vốn đầu tư: Ước khoảng 440 tỷ đồng Việt Nam, trong đó:

- Vốn cho vùng nguyên liệu: 180 tỷ đồng,
- Vốn xây dựng nhà máy: 260 tỷ đồng (trong đó gồm cả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị).

6. Nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước,
- Vay Ngân hàng ADB,
- Vay Ngân hàng thương mại khác,
- Vay theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 264-CT ngày 22-7-1992 và Quyết định số 656-TTg ngày 13-9-1996 về phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên thời kỳ 1996 - 2010 cho trồng rừng nguyên liệu.

7. Thời gian triển khai Dự án:

- Xây dựng nhà máy từ năm 1998 đến năm 2000, đưa vào hoạt động, sử dụng nguyên liệu từ rừng đã trồng.
- Triển khai trồng rừng theo quy hoạch từ năm 1998 đến năm 2005.

Điều 2.- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết, xác định cụ thể diện tích vùng trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn từng huyện, như đã nêu ở Khoản 2 Điều 1 và xây dựng kế hoạch trồng rừng, bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho nhà máy hoạt động lâu dài, đạt công suất thiết kế.

Điều 3.- Việc cung cấp công nghệ, trang thiết bị của nhà máy phải thực hiện đấu thầu theo quy định hiện hành và bảo đảm kỹ thuật tiên tiến, hiện đại. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Điều 4.- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ đầu tư tìm nguồn vốn ưu đãi; đồng thời nghiên cứu các giải pháp về vốn cho việc

thực hiện Dự án này có hiệu quả. Bảo đảm thi công theo tiến độ và đưa nhà máy vào vận hành đúng kế hoạch. Chủ đầu tư phải xây dựng tiến độ đầu tư hợp lý phù hợp với thứ tự ưu tiên đầu tư và khả năng huy động vốn đầu tư.

Điều 5.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 106/QĐ-TTg ngày 18-2-1998 về việc cử thành viên tham gia Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Quyết định số 31/1998/QĐ-TTg ngày 10-2-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Thương mại, Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thông tin, Tư pháp; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan; Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch,